

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 9 - 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mã Siêu và ông Vũ Văn Quảng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2023/TLST - HNGĐ ngày 04/8/2023 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994 (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn - chị Trần Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn Đ tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 17 tháng 7 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Cuộc sống chung vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là chị phát hiện anh Đ bị nghiện ma túy, hay đánh đập chị và không chung thủy với chị. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay lại chung sống cùng nhau được nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Chị và anh Đ có 03 con chung là Bùi Anh Đ1, sinh ngày 08/8/2014, Bùi Bích N, sinh ngày 08/11/2016 và Bùi Ánh L, sinh ngày 17/4/2020. Hiện con Linh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, con Đại và Ngọc ở cùng anh Đ và bà nội. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con Linh, con Ngọc nhưng anh Đ chỉ đồng ý cho chị nuôi con Linh, anh có nguyện vọng được nuôi con Đại và Ngọc nên tại phiên tòa chị đồng ý nhường 02 con chung Đại và Ngọc cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị trực tiếp nuôi con Linh và chị không có ý kiến gì khác.

Về quan hệ tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023, bị đơn anh Bùi Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị P kết hôn với nhau trên tinh thần hoàn tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện T đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2014. Sau khi kết hôn anh và chị P chung sống với nhau 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị P phát sinh tình cảm với người khác. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là muốn đoàn tụ vì vợ chồng còn có 03 con chung, anh không muốn con anh phải thiếu bố hoặc mẹ. Nếu chị P nhất quyết muốn ly hôn thì tùy chị P.

Về quan hệ con chung: Anh và chị P có 03 con chung như chị P trình bày là Bùi Anh Đ1, sinh ngày 08/8/2014, Bùi Bích N, sinh ngày 08/11/2016 và Bùi Ánh L, sinh ngày 17/4/2020. Nếu anh và chị P ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con Đại và Ngọc, nhường con Linh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 08/8/2023 của các cháu Bùi Anh Đ1 và cháu Bùi Bích N: Cháu Đại có nguyện vọng xin được ở với bố còn cháu Ngọc có nguyện vọng xin được ở cùng mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã N, huyện T thể hiện: Chị Trần Thị P, sinh năm 1994 và anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1987 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Phú Lâm, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Anh Đ và chị P kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/7/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Đ chị P có 03 con chung là Bùi Anh Đ1, sinh ngày 08/8/2014, Bùi Bích N, sinh ngày 08/11/2016 và Bùi Ánh L, sinh ngày 17/4/2020. Về tài sản chung và công nợ chung, địa phương không nắm được. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh Đ, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, nguyên đơn là chị P đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn là anh Bùi Văn Đ không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Bùi Văn Đ. Giao cho anh Bùi Văn Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Bùi Anh Đ1, sinh ngày 08/8/2014, Bùi Bích N, sinh ngày 08/11/2016. Giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng con Bùi Ánh L, sinh ngày 17/4/2020, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn là chị Trần Thị P khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Văn Đ, anh Đ có hộ khẩu thường trú tại huyện T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình đã thụ lý và giải quyết yêu cầu của chị P là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là anh Bùi Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Bùi Văn Đ tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 17/7/2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị P anh Đ chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Anh Đ và chị P đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa, mặc dù anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không có ý định hàn gắn hôn nhân, không có giải pháp gì để vợ chồng quay về chung sống với nhau, lý do anh không đồng ý ly hôn chỉ vì anh không muốn các con anh thiếu bố hoặc

mẹ. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị P và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị P, xử cho chị P được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét thấy hiện nay cả 02 con chung của anh Đ và chị P là Bùi Anh Đ1 và Bùi Bích N đang do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và đang sinh hoạt, học tập ổn định cùng anh Đ tại xã N huyện Tiền Hải tỉnh Thái Bình, con chung Bùi Ái Linh nhỏ nhất đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ có nguyện vọng xin được nuôi cả 02 con chung Đại và Ngọc và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh và nhường con Linh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị P đồng ý nhường cả 02 con Đại và Ngọc cho anh Đ nuôi dưỡng, chị đồng ý tiếp tục nuôi con Linh. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận nguyện vọng của anh Đ, chị P để tránh gây xáo trộn cuộc sống của các con cần giao cho anh Đ trực tiếp nuôi cả 02 con chung Đại và Ngọc, giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi Linh là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Bùi Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Bùi Văn Đ trực tiếp nuôi 02 con chung là Bùi Anh Đ1, sinh ngày 08/8/2014, Bùi Bích N, sinh ngày 08/11/2016, giao cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi con Bùi Ánh L, sinh ngày 17/4/2020, việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ, việc dân sự khác.

Chị Trần Thị P và anh Bùi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002446 ngày 04/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T thành án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trần Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Bùi Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- UBND xã N Tiền Hải;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhi